UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng 11 năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Tiêu chí so sánh	Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 12/8/2024 của HĐND tỉnh Hải Dương	Dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố Hải Phòng	THUYẾT MINH
1	*2*	*3*	*4*
1. Cơ quan ban hành, phạm vi địa bàn	Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; áp dụng đối với các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Hải Dương do ngân sách địa phương bảo đảm.	Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng; áp dụng đối với các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn thành phố Hải Phòng do ngân sách địa phương bảo đảm.	Kế thừa phạm vi điều chỉnh, cập nhật tên cơ quan ban hành và địa bàn áp dụng phù hợp với đơn vị hành chính thành phố Hải Phòng sau sắp xếp.
2. Đối tượng áp dụng	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị liên quan đến cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Hải Dương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị liên quan đến cuộc điều tra thống kê trên địa bàn thành phố Hải Phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.	Kế thừa đối tượng áp dụng; điều chỉnh thẩm quyền quyết định cuộc điều tra thống kê phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương hiện nay.
3. Chi xây dựng phương án điều tra, lập mẫu phiếu và tổng	Điều 2 quy định mức khoán tối đa: 20 triệu đồng đối với xây dựng phương án điều tra và lập mẫu phiếu; 8 triệu đồng đối với tổng hợp, phân tích, đánh giá kết	Khoản 1 Điều 2 quy định mức chi 20 triệu đồng đối với xây dựng phương án điều tra, lập mẫu phiếu; 8 triệu	Kế thừa nội dung và mức chi của Nghị quyết hiện hành; quy định mức chi cụ thể đối với từng nhóm công việc, đồng thời giao Thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định mức

hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra	quả điều tra. Mức khoán đã bao gồm các khoản chi liên quan trực tiếp đến các hoạt động này.	đồng đối với tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra. Thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định mức khoán cụ thể phù hợp với quy mô, tính chất cuộc điều tra.	khoán phù hợp với quy mô, tính chất cuộc điều tra và trong phạm vi kinh phí được giao.
4. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê	Điều 3 quy định thực hiện theo chế độ chi hội nghị tại Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh Hải Dương.	Khoản 2 Điều 2 quy định thực hiện theo chế độ chi hội nghị tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.	Kế thừa nguyên tắc áp dụng chế độ chi hội nghị; cập nhật văn bản quy định chế độ chi hội nghị hiện hành của thành phố Hải Phòng.
5. Chi tiền công thuê ngoài	Khoản 1 Điều 4 quy định các công việc thuê ngoài gồm: rà soát, lập danh sách đối tượng điều tra trong trường hợp cần thiết; phiên dịch tiếng dân tộc kiêm dẫn đường; thuê người dẫn đường không phải phiên dịch; thu thập số liệu; phúc tra phiếu. Mức tiền công bình quân tính theo mức lương tối thiểu vùng theo ngày; người dẫn đường không phải phiên dịch hưởng 70% mức tiền công thuê phiên dịch kiêm dẫn đường. Cơ quan chủ trì quyết định mức thanh toán phù hợp trong phạm vi dự toán được giao.	Điểm a khoản 3 Điều 2 kế thừa các nội dung thuê ngoài và nguyên tắc xác định mức tiền công theo mức lương tối thiểu vùng tại địa bàn thực hiện điều tra; người dẫn đường không phải phiên dịch hưởng 70% mức tiền công thuê phiên dịch kiêm dẫn đường.	Kế thừa các nội dung công việc được thuê ngoài và nguyên tắc xác định mức tiền công; sắp xếp lại quy định để thống nhất với bố cục dự thảo.

6. Chi tiền công đối với công chức cấp xã tham gia điều tra	Khoản 2 Điều 4 quy định công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã, phường, thị trấn tham gia rà soát, lập danh sách, thu thập số liệu, phúc tra phiếu được hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê ngoài.	Điểm b khoản 3 Điều 2 quy định công chức phòng chuyên môn cấp xã có chức năng, nhiệm vụ về thống kê tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị điều tra, thu thập số liệu, phúc tra phiếu được thanh toán bằng 50% mức tiền công thuê ngoài.	Kế thừa đối tượng, nội dung công việc và tỷ lệ thanh toán bằng 50% mức tiền công thuê ngoài; điều chỉnh tên chức danh, đơn vị hành chính phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hiện hành.
7. Chi tiền công đối với công chức, viên chức thực hiện điều tra chuyên sâu, phức tạp	Khoản 3 Điều 4 quy định trường hợp điều tra chuyên sâu, phức tạp, sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thay cho điều tra viên thuê ngoài thì được thanh toán bằng 50% mức tiền công thuê ngoài; trường hợp làm ngoài giờ hành chính được thanh toán bằng mức tiền công thuê ngoài và không thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.	Điểm c khoản 3 Điều 2 quy định nội dung tương tự.	Kế thừa đối tượng áp dụng, điều kiện và mức thanh toán đối với công chức, viên chức tham gia điều tra chuyên sâu, phức tạp; sắp xếp lại quy định để thống nhất với bố cục dự thảo.
8. Khoán tiền công điều tra theo số phiếu và nghiệm thu phiếu điều tra	Khoản 4 Điều 4 quy định Thủ trưởng cơ quan chủ trì thực hiện khoán tiền công theo số phiếu điều tra, phù hợp với địa bàn; mức khoán không vượt quá mức lương tối thiểu vùng tính theo ngày/người. Việc thanh toán căn cứ biên bản nghiệm thu số lượng, chất lượng phiếu và số tiền công theo phiếu.	Điểm d khoản 3 Điều 2 quy định nội dung tương tự.	Kế thừa nội dung và tỷ lệ thanh toán của Nghị quyết cũ
9. Chi kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra và phúc tra phiếu	Điều 5 quy định thực hiện theo chế độ công tác phí tại Nghị quyết số 51/2017/NQ-HĐND.	Khoản 4 Điều 2 quy định thực hiện theo chế độ công tác phí tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND.	Kế thừa nguyên tắc áp dụng chế độ công tác phí đối với hoạt động kiểm tra, giám sát và phúc tra phiếu; cập nhật văn bản quy định chế độ công tác phí hiện hành của thành phố Hải

			Phòng.
10. Chi nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra	Khoản 1 Điều 6 quy định khoán tiền công trên cơ sở tiền thù lao thuê điều tra viên thu thập số liệu; mức khoán tùy theo tính chất phức tạp của phiếu nhưng tối đa không quá 5% tiền công thu thập số liệu và không vượt quá mức lương tối thiểu vùng tính theo ngày/người.	Điểm a khoản 5 Điều 2 quy định thực hiện khoán tiền công trên cơ sở tiền thù lao thuê điều tra viên thu thập số liệu; mức khoán bằng 5% tiền công chi trả điều tra viên thu thập số liệu.	Kế thừa nội dung và mức chi của Nghị quyết hiện hành; quy định tỷ lệ khoán bằng 5% tiền công thu nhập số liệu để xác định cụ thể mức chi cho công việc nghiệm thu, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra.
11. Chi nhập dữ liệu từ phiếu điều tra (phiếu giấy)	Khoản 2 Điều 6 quy định mức chi tối đa không quá 250 đồng/trường dữ liệu.	Điểm b khoản 5 Điều 2 quy định mức chi 250 đồng/trường dữ liệu.	Kế thừa mức chi 250 đồng/trường dữ liệu của Nghị quyết hiện hành; quy định trực tiếp mức chi cụ thể thay mức chi tối đa, làm căn cứ xác định kinh phí theo số lượng trường dữ liệu thực tế được nhập.
12. Chi xây dựng, nâng cấp, mở rộng phần mềm phục vụ điều tra thống kê	Khoản 3 Điều 6 quy định thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thủ trưởng cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm quyết định mức chi cụ thể, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp nguồn kinh phí được giao.	Điểm c khoản 5 Điều 2 quy định nội dung tương tự	Kế thừa quy định về căn cứ thực hiện và trách nhiệm quyết định mức chi của Thủ trưởng cơ quan chủ trì; bảo đảm quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả và trong phạm vi dự toán được giao.
13. Chi công bố kết quả điều tra thống kê	Điều 7 quy định tùy tính chất, sự cần thiết của cuộc điều tra, Thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định công bố kết quả trên phương tiện thông tin đại chúng, báo cáo cơ quan chức năng hoặc tổ chức hội nghị. Chi hội nghị thực hiện theo Nghị	Khoản 6 Điều 2 tách thành: chi tổ chức hội nghị công bố kết quả thực hiện theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND; chi công bố	Kế thừa các hình thức công bố kết quả điều tra và nguyên tắc áp dụng chế độ chi tương ứng; tách riêng quy định về chi hội nghị và chi công bố trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời cập nhật văn bản liên quan.

	quyết số 51/2017/NQ-HĐND; chi công bố trên phương tiện thông tin đại chúng thực hiện theo quy định về đấu thầu mua sắm thường xuyên.	trên phương tiện thông tin đại chúng thực hiện theo pháp luật về đấu thầu mua sắm thường xuyên.	
14. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác	Điều 8 quy định mức chi căn cứ hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.	Khoản 7 Điều 2 quy định nội dung và nguyên tắc chi tương tự.	Kế thừa nội dung và nguyên tắc thanh toán; bảo đảm các khoản chi có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, đúng mục đích và trong phạm vi dự toán được giao.
15. Nguồn kinh phí thực hiện	Điều 9 quy định ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.	Điều 3 quy định ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật.	Kế thừa nguyên tắc xác định nguồn kinh phí thực hiện; điều chỉnh vị trí điều khoản trong dự thảo.
16. Hiệu lực thi hành và xử lý văn bản cũ	Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 22/8/2024; quy định việc áp dụng văn bản dẫn chiếu khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại Điều 10 của Quy định kèm theo.	Điều 4 quy định thời điểm có hiệu lực; Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết mới có hiệu lực; văn bản viện dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản mới.	Quy định cụ thể việc chấm dứt hiệu lực Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND kể từ ngày Nghị quyết mới có hiệu lực; kế thừa nguyên tắc áp dụng văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
17. Tổ chức thực hiện	Điều 10 của Quy định kèm theo quy định nguyên tắc áp dụng văn bản dẫn chiếu khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. Nghị quyết gốc giao Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai và Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát tại Điều 2.	Điều 5 giao UBND thành phố và các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai; Thường trực HĐND, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố giám sát.	Kế thừa cơ chế tổ chức thực hiện và giám sát; điều chỉnh trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương thành phố Hải Phòng.